

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH
ĐIỆN THOẠI: 0283.39233352
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 6978/QĐ-UB, ngày 22/08/2001

Biểu mẫu 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

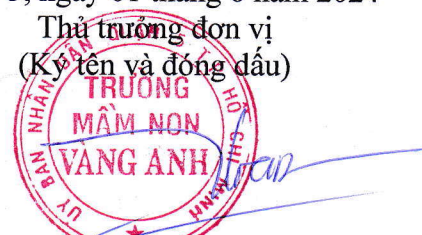
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1/ Thể chất: 80% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 75% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 70% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 75% đạt yêu cầu	1/ Thể chất: 90% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 85% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 85% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội: 90% đạt yêu cầu 5/ Thẩm mỹ: 86% đạt yêu cầu
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1/ Thể chất: 85% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 92% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 91% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 92% đạt yêu cầu	1/ Thể chất: 95% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 96% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 98% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội: 90% đạt yêu cầu 5/ Thẩm mỹ: 95% đạt yêu cầu
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Khẩu phần dinh dưỡng: 765-893 Kcal - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu nhà trẻ tại trường - Theo dõi sức khỏe: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tẩy giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng + Tỷ lệ giảm SDD so với năm trước 100% SDD cân nặng: tỉ lệ 100% Kế hoạch phân đầu: 100% + Tỉ lệ dư cân, béo phì so với năm học trước giảm : 3/58 tỷ lệ 5,17% Kế hoạch phân đầu: 80%	- Khẩu phần dinh dưỡng: 615 - 726 Kcal. - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu mẫu giáo tại trường - Theo dõi sức khỏe: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tẩy giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng + Tỷ lệ giảm SDD so với năm trước 100% SDD cân nặng: 100% Kế hoạch phân đầu: 100% + Tỉ lệ dư cân, béo phì so với năm học trước giảm : 25/358 tỷ lệ 6,98% Kế hoạch phân đầu: 50 %

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lâm Thị Thuỳ Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH
ĐIỆN THOẠI: 0283.39233352
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 6978/QĐ-UB, ngày 22/08/2001

Biểu mẫu 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục mầm non thực tế, tuyển sinh năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	403			75	99	119	110
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	403			75	99	119	110
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	403			75	99	119	110
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	403			75	99	119	110
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	403			75	99	119	110
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	402			75	98	119	110
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	01			00	01	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	401			74	98	119	110
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	01			00	01	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	01			01	00	00	00
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	403			75	99	119	110
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	75			75			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	328				99	119	110

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lâm Thị Thuý Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH
ĐIỆN THOẠI: 0283.39233352
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 6978/QĐ-UB, ngày 22/08/2001

Biểu mẫu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2023 - 2024

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	2.0 m ² /trẻ
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	2.0 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3080.75 m ²	8.0 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1292 m ²	3.4 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	64 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	64 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	20 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	380 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	108 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	138 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	323 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15 bộ	1 bộ/lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15 bộ	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0 bộ	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15 bộ	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- 15 máy vi tính - 15 máy in - 15 máy ảnh kỹ thuật số - 01 máy chiếu	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	16 cái	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	05 cái	
3	Máy photo	02 cái	
4	Catsset	/	
5	Đầu Video/đầu đĩa	/	
6	Thiết bị khác	06 cái	

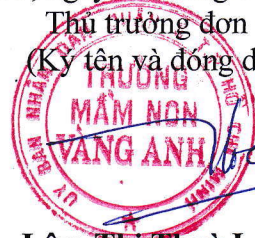
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	11	60	30		0.4 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lâm Thị Thuỳ Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH
ĐIỆN THOẠI: 0283.39233352
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 6978/QĐ-UB, ngày 22/08/2001

Biểu mẫu 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

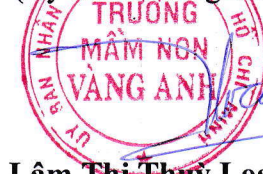
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	56		04	29	01	04	18		17	12				
I	Giáo viên	26		01	24	01				17	09				
1	Nhà trẻ	06		01	05					03	03				
2	Mẫu giáo	20			19	01				14	06				
II	Cán bộ quản lý	03		03							03				
1	Hiệu trưởng	01		01							01				
2	Phó hiệu trưởng	02		02							02				
III	Nhân viên	27			05		04	18							
1	Nhân viên văn thư	01			01										
2	Nhân viên kế toán	01					01								
3	Thủ quỹ	01					01								
4	Nhân viên y tế	01			01										
5	Nhân viên cấp dưỡng	04						04							
6	Nhân viên nuôi dưỡng	14			03		02	09							
7	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	05						05							

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lâm Thị Thủy Loan